

Số 2043/BC-DVTD

Thanh Hóa, ngày 29 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO
Tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2022
(sau 12 tháng tốt nghiệp)

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện Công văn Số: 3943/BGDĐT-GDĐH 31 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc khảo sát, công khai và báo cáo tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp; Kế hoạch năm học 2023-2024 và kế hoạch số: 1554/ KH-DVTD ngày 25/10/2023 của Hiệu trưởng về việc khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2022 (sau 12 tháng tốt nghiệp); Trường đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa, tổng hợp và báo cáo kết quả khảo sát cụ thể như sau:

I. THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN

1. Thuận lợi

- Ban giám hiệu Nhà trường chỉ đạo sát sao công tác khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2022; các đơn vị đã chủ động tích cực trong nhiệm vụ này. Các khoa đào tạo giữ được mối liên hệ tốt với sinh viên tốt nghiệp năm 2022, trong quá trình khảo sát đã vận dụng đa dạng các hình thức liên lạc với cựu sinh viên (điện thoại, email, facebook, zalo...) có hồ sơ minh chứng rõ ràng nên thông tin thu được trong quá trình khảo sát là tin cậy và đầy đủ.

- Hàng năm nhà trường đều liên hệ với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trong cả nước để tổ chức ngày hội việc làm và giới thiệu cơ sở thực tập nghề nghiệp, việc làm thêm cho sinh viên, qua đó giúp sinh viên tăng cơ hội tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp

2. Khó khăn

- Một số sinh viên mất liên lạc sau thời gian tốt nghiệp, khi chuyển đến nơi làm việc mới hoặc có sự thay đổi trong thông tin liên lạc.

- Một số sinh viên không muốn chia sẻ thông tin cá nhân hoặc thông tin về tình hình việc làm của mình, đặc biệt những SV gặp phải khó khăn trong sự nghiệp.

- Nhiều sinh viên có thể tập trung vào công việc ngắn hạn, thực tập hoặc các dự án tạm thời, khiến cho việc theo dõi sự nghiệp dài hạn của SV trở nên phức tạp.

- Sinh viên tự do hoặc làm việc tự do gặp khó khăn trong việc báo cáo về tình hình việc làm của mình, vì họ thường không có một nơi làm việc cụ thể để báo cáo.

II. THÔNG TIN VỀ ĐỢT KHẢO SÁT

1. Mục đích khảo sát

- Nhằm thu nhận thông tin khách quan về “sản phẩm đào tạo” của Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa, giúp Nhà trường có căn cứ để điều chỉnh trong công tác quản lý, tuyển sinh, đào tạo... phù hợp với nhu cầu xã hội.

- Kết nối cựu sinh viên, tranh thủ tối đa sự ủng hộ về trí tuệ, tinh thần, vật chất nhằm hỗ trợ các đối tượng người học cũng như nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, phục vụ sự phát triển Nhà trường.

2. Nội dung khảo sát

2.1. Khảo sát về thực trạng việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp: tỷ lệ sinh viên có việc làm; thời gian có việc làm sau tốt nghiệp; nội dung công việc so với ngành được đào tạo; các kiến thức, kỹ năng được học với yêu cầu công tác; mức thu nhập bình quân hàng tháng; tương lai nghề nghiệp...

2.2. Khảo sát xu hướng việc làm của sinh viên, khu vực làm việc (nhà nước, tư nhân, có yếu tố nước ngoài hay tự tạo việc làm), vùng miền, địa phương làm việc, ngành nghề nhu cầu xã hội...

2.3. Điều tra lý do SVTN chậm hoặc không tìm được việc làm; những kiến thức, kỹ năng nào sinh viên cần bổ sung trước khi tốt nghiệp; ý kiến đóng góp, hiến kế nhằm nâng cao hiệu quả đào tạo của Nhà trường...

2.4. Lập danh bạ cựu sinh viên, kết nối, xây dựng mạng lưới cựu người học và tổ chức các hoạt động cựu người học đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

3. Đối tượng khảo sát

Đối tượng nghiên cứu là sinh viên đã tốt nghiệp năm 2022 từ các chương trình đào tạo bậc đại học chính quy của Trường.

Tổng số sinh viên tốt nghiệp đại học hệ chính quy năm 2022 là: 686 sinh viên với 7 Quyết định công nhận tốt nghiệp gồm:

Đợt 1: - Quyết định Số: 195/QĐ-ĐVTDT ngày 18/02/2022: 128 sinh viên hệ Đại học liên thông chính quy, trong đó: 02 SV khóa học 2018 – 2021; 126 SV khóa học 2019 – 2022, tốt nghiệp năm 2022.

Đợt 2: - Quyết định Số: 397/QĐ-ĐVTDT ngày 12/04/2022: 01 sinh viên hệ Đại học chính quy khóa học 2016 – 2020, tốt nghiệp năm 2022.

- Quyết định Số: 398/QĐ-ĐVTDT ngày 12/04/2022: 85 sinh viên Đại học học liên thông hệ chính quy khóa học 2019 – 2022, tốt nghiệp năm 2022.

Đợt 3: - Quyết định Số: 931/QĐ-ĐVTDT ngày 22/06/2022: 210 sinh viên hệ Đại học chính quy, 05 SV khóa học 2017 – 2021, 205 SV khóa học 2018 – 2022, tốt nghiệp năm 2022.

- Quyết định Số: 932/QĐ-ĐVTDT ngày 22/06/2022: 251 sinh viên Đại học học liên thông hệ chính quy trong đó: 02 SV khóa học 2018-2021; 01SV khóa học 2019 – 2021, 95 SV khóa học 2019 – 2022, 153 SV khóa học 2020 – 2022, tốt nghiệp năm 2022

Đợt 4: - Quyết định Số: 1849/QĐ-ĐVTDT ngày 19/12/2022: 08 sinh viên hệ Đại học chính quy trong đó: 02 SV khóa học 2016 – 2020, 01 SV khóa học 2017 – 2021, 05 SV khóa học 2018 – 2022, tốt nghiệp năm 2022.

- Quyết định Số: 1850/QĐ-ĐVTDT ngày 19/12/2022: 03 sinh viên Đại học học liên thông hệ chính quy trong đó: 02 SV khóa học 2019 – 2022, 01 SV khoa học 2020-2022, tốt nghiệp năm 2022.

4. Hình thức khảo sát

- Khảo sát online bằng công cụ google doc form;
- Khảo sát bằng phỏng vấn trực tiếp những sinh viên về trường nhân bằng Tốt nghiệp;
- Khảo sát qua gọi điện thoại và các hình thức khác như qua mạng xã hội...

5. Công tác triển khai

- Ngày 25/10/2023, Hiệu trưởng đã ban hành kế hoạch số: 1554/KH-ĐVTDT về việc khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của người học đã tốt nghiệp về tình hình việc làm năm 2022 sau 12 tháng tốt nghiệp

- Từ ngày 26/10/2023 đến ngày 30/10/2023, cán bộ phòng Quản lý Đào tạo, phòng Chính trị - Công tác HSSV đã phối hợp với giáo vụ các Khoa thống nhất danh sách SVTN, địa chỉ, thông tin liên lạc của sinh viên để phục vụ công tác khảo sát.

- Từ ngày 01/11/2023 -05/12/2023, Trung tâm TVTS và GTVL tiến hành khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2023 thông qua việc gửi link phiếu khảo sát trực tuyến qua Email, mạng xã hội, gọi điện thoại, phỏng vấn trực tiếp.....

Từ ngày 06/12 – 15/12/2023 tổ khảo sát tổng hợp phiếu, thống kê, nhập dữ liệu vào phần mềm, phân tích và viết báo cáo.

III. KẾT QUẢ KHẢO SÁT

1. Sự phản hồi của sinh viên tốt nghiệp

- Số SVTN được khảo sát: 686.
- Số SVTN có phản hồi: 628 (đạt 91,55%).
- Số SVTN không phản hồi: 58 phiếu (chiếm 8,45%).

2. Tình hình việc làm của sinh viên

2.1. Tình trạng việc làm của sinh viên

Bảng 1. Tổng hợp về số lượng SVTN và phản hồi theo từng ngành
(tỷ lệ sắp xếp từ cao xuống thấp)

TT	Tên ngành đào tạo	Số SVTN	Số SV phản hồi	Số SV có VL	Số SV đang tiếp tục học nâng cao	Số SV có chưa có việc làm	Tỷ lệ % SV phản hồi/tổng số SVTN	Tỷ lệ SV có việc làm/tổng số sinh viên phản hồi(%)	Ghi chú
1.	Đồ họa	3	3	3	0	0	100%	100%	
2.	Thiết kế Thời trang	3	3	3	0	0	100%	100%	
3.	Quản lý Thể dục Thể thao	2	2	2	0	0	100%	100%	
4.	Giáo dục Mầm non	345	307	281	0	26	88,99%	91,53%	
5.	Luật	12	11	09	1	1	91,67%	90,91%	
6.	Sư phạm Âm nhạc	68	64	56	1	7	94,12%	89,06%	
7.	Thông tin - Thư viện	11	9	8	0	1	81,82%	88,89%	
8.	Sư phạm Mỹ Thuật	43	40	35	0	5	93,02%	87,50%	
9.	Du lịch	8	8	7	0	1	100%	87,50%	
10.	Quản lý Văn hóa	26	23	18	2	3	88,46%	86,96%	
11.	Ngôn ngữ Anh	7	7	5	1	1	100%	85,71%	
12.	Quản trị Khách sạn	51	49	40	1	8	96,08%	83,67%	
13.	Quản trị Dịch vụ Du lịch và lữ hành	24	24	20	0	4	100%	83,33%	
14.	Quản lý nhà nước	69	64	50	2	12	92,75%	81,25%	
15.	Thanh Nhạc	5	5	4	0	1	100%	80%	
16.	Công tác Xã hội	9	9	6	1	2	100%	77,78%	
	Tổng	686	628	547	9	72	91,55%	88,54%	

Tỷ lệ SVTN có việc làm tính theo công thức: $((\text{SL SVTN có việc làm} + \text{SL SVTN đang học nâng cao}) / \text{tổng số SVTN phản hồi}) * 100$

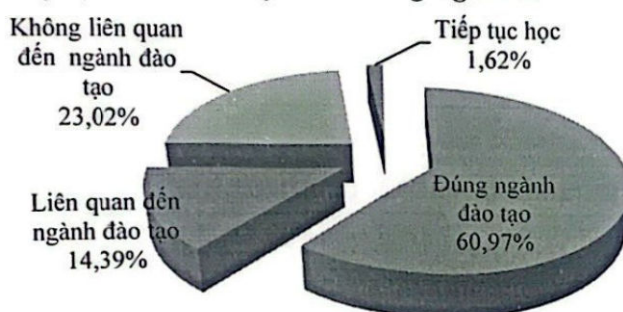
Số lượng sinh viên báo đã có việc làm là 547 (chiếm 87,11% số sinh viên phản hồi, 09 sinh viên đang tiếp tục đi học nâng cao (chiếm 1,43% số sinh viên phản hồi); Các ngành Đồ họa, Thiết kế Thời trang, và Quản lý Thể dục Thể thao, 100% SVTN phản hồi có việc làm là một kết quả đáng chú ý và cho thấy những ngành này đang cung cấp cơ hội nghề nghiệp cao cho sinh viên. Một số ngành có tỷ lệ SVTN có việc làm cao (trên 87%) như: Giáo dục Mầm non (91,53%), Luật (90,91%), Sư phạm Âm

nhạc (89,06%), Sư phạm Mỹ Thuật (87,50%) chứng tỏ nhu cầu của thị trường lao động về nhóm ngành sư phạm và pháp lý đang tăng. Một số ngành như Ngôn ngữ Anh (85,71%), Quản lý nhà nước (81,25%), Công tác Xã hội (77,78%), Quản trị Khách sạn (83,67%) mặc dù có một số sinh viên chưa có việc làm, tỷ lệ sinh viên có việc làm vẫn đạt mức khá quan và ổn định.

2.2. Về phản hồi của sinh viên đã có việc làm

Các số liệu cụ thể kết quả khảo sát có phụ lục đính kèm

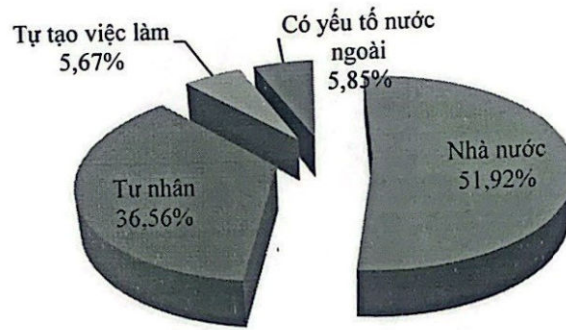
2.2.1. Về tỷ lệ SVTN có việc làm đúng ngành/SVTN có việc làm.



Hình 1. Biểu đồ tình hình việc làm của SV so với chuyên ngành đã học

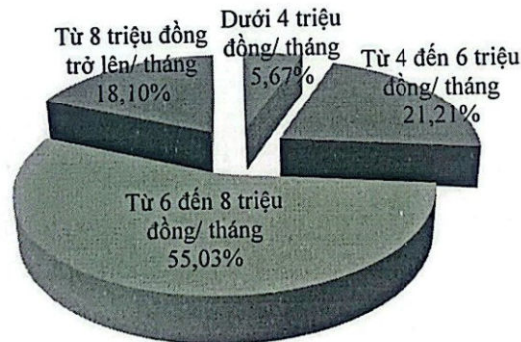
Nhận xét: Biểu đồ thể hiện thông tin việc làm so với chuyên ngành đã học của những sinh viên đã có việc làm: 339/546 sinh viên có việc làm (chiếm 60,97%) làm việc đúng ngành đào tạo, 80/546 sinh viên có việc làm (chiếm 14,39%) làm việc liên quan đến ngành đào tạo, phản ánh kết quả của chất lượng đào tạo của nhà trường. Chương trình đào tạo đã cung cấp đủ kiến thức và kỹ năng cho sinh viên để áp dụng trong lĩnh vực làm việc, đồng thời chỉ ra sự linh hoạt của sinh viên trong việc áp dụng kỹ năng học được ở ngành đào tạo vào các lĩnh vực công việc khác nhau. Sinh viên có thể đã tận dụng những kỹ năng đặc biệt của họ để tìm kiếm cơ hội nghề nghiệp trong các lĩnh vực có liên quan. 128/546 sinh viên có việc làm (chiếm 23,02%) làm việc trái ngành đào tạo cho thấy những thách thức việc sinh viên phải đối mặt khi tìm kiếm cơ hội nghề nghiệp phù hợp với chuyên ngành đào tạo; 9/546 sinh viên có việc làm (chiếm 1,62%) đang tiếp tục đi học nâng cao thể hiện sự đầu tư của một số sinh viên vào việc nâng cao trình độ học vấn và chuyên môn sau khi tốt nghiệp hoặc do yêu cầu ngày càng cao của thị trường lao động đòi hỏi sự chuyên sâu và nâng cao kỹ năng.

2.2.2. Về khu vực làm việc của sinh viên có việc làm



Hình 2. Biểu đồ khu vực việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp

Nhận xét: Biểu đồ hình 2 cho thấy sinh viên có việc làm trong các cơ quan doanh nghiệp nhà nước chiếm đa số (51,92%), 36,56% sinh viên có việc làm làm việc trong các cơ quan doanh nghiệp tư nhân, 5,85% sinh viên có việc làm làm việc trong các cơ quan doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài và 5,67% sinh viên tốt nghiệp có khả năng tự tạo việc làm cho bản thân là tín hiệu tích cực, thể hiện sự sáng tạo và độc lập trong xây dựng sự nghiệp của SV.



Hình 3. Biểu đồ tình hình thu nhập của sinh viên sau tốt nghiệp

Nhận xét: Biểu đồ cho thấy mức lương từ 6 đến 8 triệu đồng/tháng của sinh viên chiếm tỷ lệ cao nhất là 55,03%; 5,67% sinh viên trả lời có việc làm với mức lương dưới 4 triệu đồng/tháng; 21,21% sinh viên có việc làm với mức lương từ 4 đến 6 triệu đồng/tháng và 18,1% sinh viên có việc làm có mức lương trên 8 triệu đồng/tháng. Như vậy, mức thu nhập tương đối đảm bảo cho nhu cầu sinh hoạt của sinh viên sau tốt nghiệp.

3. Một số ý kiến phản hồi góp ý của SVTN

Thông qua phiếu khảo sát, phần lớn SVTN đều đánh giá cao sự nỗ lực của Nhà trường nhằm giúp sinh viên hoàn thành khóa học đạt kết quả tốt nhất. Có nhiều ý kiến góp ý cụ thể, sát thực của SVTN nhằm tăng tỷ lệ SVTN có việc làm.

3.1. Nhà trường cần chú trọng việc xây dựng, rà soát, điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo nhằm phù hợp với thực tiễn và yêu cầu, đòi hỏi của xã hội; phù hợp với xu hướng nghề nghiệp. Trong đó, kết quả lấy ý kiến phản hồi của người học và của

đơn vị sử dụng lao động phải là một trong những căn cứ quan trọng để thực hiện nội dung này.

3.2. Cần tiếp tục quan tâm, thúc đẩy việc kết nối và hợp tác với các địa phương, cơ quan, doanh nghiệp trên nhiều nội dung, lĩnh vực như đào tạo nguồn nhân lực, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, trao học bổng tài trợ, chia sẻ kinh nghiệm nghề nghiệp, thiết lập hệ thống thông tin hai chiều giữa Nhà trường với các đối tác nhằm thực hiện mục tiêu đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội. Trong bối cảnh hiện nay, Nhà trường cũng cần đặc biệt quan tâm đến việc phối hợp với doanh nghiệp triển khai các chương trình thực tập tiềm năng, thực tập định hướng, đặt hàng đào tạo dành cho sinh viên (năm cuối và áp cuối), giúp sinh viên có được môi trường thực tập thuận lợi, bổ ích và tăng cơ hội việc làm cho sinh viên ngay từ khi chưa tốt nghiệp.

3.3. Nhà trường cần đầu tư thêm các nguồn lực cho hoạt động hỗ trợ người học trong học tập, rèn luyện, sinh hoạt, đặc biệt là hỗ trợ sinh viên sớm tiếp cận với thế giới việc làm. Chú trọng triển khai các chương trình về việc làm bán thời gian, các hoạt động trải nghiệm thực tế; các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nhằm giúp sinh viên hoàn thiện thêm kiến thức, kỹ năng và tư duy nghề nghiệp.

3.4. Tăng cường các khóa học ngoại ngữ như tiếng Anh, tiếng Hàn, tiếng Nhật, tiếng Trung, tiếng Đức... nhằm đáp ứng nhu cầu học ngoại ngữ của sinh viên, thực hiện chuẩn đầu ra linh động, phù hợp với ngành nghề và định hướng của từng người học. Đồng thời, giúp sinh viên tự tin tiếp cận với thế giới việc làm, tăng cơ hội được học tập, thực tập và làm việc tại thị trường lao động ngoài nước cũng như làm việc với các doanh nghiệp nước ngoài đang sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam.

3.5. Các đơn vị đào tạo cần quan tâm kết nối, hỗ trợ các hoạt động cụ thể của sinh viên; duy trì kênh liên hệ kết nối trên phần mềm để SVTN tương tác tốt hơn với các hoạt động của nhà trường.

Trên đây là báo cáo kết quả khảo sát về tình hình việc làm của SVTN trong năm 2022 của Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

Nơi nhận:

+ Bộ GD&ĐT (để bc)

+ BGH, HDT (để bc)

+ Lưu VP, KT- ĐBCLGD,

TVTS

KT. Hiệu trưởng
Phó hiệu trưởng
Nguyễn Thị Thục



MẪU SỐ 01

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
Trường ĐH VH, TT & DL Thanh Hóa

BÁO CÁO TÌNH HÌNH VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP NĂM 2022

TT	Mã ngành	Tên ngành đào tạo	Số SVTN		Số SV phản hồi		Tình hình việc làm					Tỷ lệ SV có việc làm/tổng số sinh viên phản hồi (%)	Tỷ lệ SV có việc làm/tổng số sinh viên tốt nghiệp (%)	Khu vực làm việc			
			Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm			Nhà nước	Tur nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài
							Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
1	7140201	Giáo dục Mầm non	345	344	307	306	189	0	92	0	26	91,53	81,45	181	87	6	7
2	7140221	Sư phạm Âm nhạc	68	43	64	40	37	14	5	1	7	89,06	83,82	25	21	3	7
3	7140222	Sư phạm Mỹ Thuật	43	25	40	23	29	6	0	0	5	87,50	81,40	22	9	4	0
4	7210104	Đồ họa	3	2	3	2	3	0	0	0	0	100	100	0	2	1	0
5	7210205	Thanh Nhạc	5	3	5	3	2	2	0	0	1	80	80	1	2	1	0
6	7210404	Thiết kế Thời trang	3	3	3	3	3	0	0	0	0	100	100	0	1	1	1
7	7220201	Ngôn ngữ Anh	7	5	7	5	2	2	1	1	1	85,71	85,71	0	3	1	1
8	7229042	Quản lý Văn hóa	26	8	23	7	7	8	3	2	3	86,96	76,92	12	4	1	1
9	7310205	Quản lý nhà nước	69	18	64	16	18	23	9	2	12	81,25	75,36	33	11	2	4
10	7810101	Du lịch	8	8	8	8	5	1	1	0	1	87,50	87,50	1	5	1	0
11	7320201	Thông tin - Thư viện	11	7	9	7	2	2	4	0	1	88,89	72,73	1	6	1	0
12	7760101	Công tác Xã hội	9	7	9	7	2	2	2	1	2	77,78	77,78	1	2	1	2

13	7810103	Quản trị Dịch vụ Du lịch và lữ hành	24	15	24	15	11	5	4	0	4	83,33	83,33	2	14	2	2
14	7810201	Quản trị Khách sạn	51	38	49	37	23	11	6	1	8	83,67	80,39	3	27	4	6
15	7810301	Quản lý Thẻ dực Thẻ thao	2	1	2	1	1	1	0	0	0	100,0	100,0	0	1	1	0
16	7380101	Luật	12	5	11	5	5	3	1	1	1	90,91	83,33	2	5	1	1
Tổng			686	532	628	485	339	80	128	9	72	88,54	81,05	284	200	31	32

Thanh Hóa, ngày 19 tháng 12 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thục